

| STT | SBD      | Họ và Tên           | Khối   | Lớp | Điểm  |
|-----|----------|---------------------|--------|-----|-------|
| 1   | 10906750 | Đào Dương Quốc Minh | Khối 4 | 4A5 | 5,320 |
| 2   | 10576243 | Nguyễn Ánh Dương    | Khối 4 | 4A5 | 4,920 |
| 3   | 10753119 | Tạ Đức An           | Khối 4 | 4A5 | 4,730 |
| 4   | 10562257 | Đặng Hải Yến        | Khối 4 | 4A5 | 3,630 |
| 5   | 10957338 | Tạ Đức An           | Khối 4 | 4A5 | 2,310 |
| 6   | 10957337 | Nguyễn Nguyên Minh  | Khối 4 | 4A5 | 1,160 |
| 7   | 10854210 | Nguyễn Nguyên Minh  | Khối 4 | 4A5 | 0     |